TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 15/10/2019.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Bà **Nguyễn Thị Hiểu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" theoo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị E** – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Danh T** – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Thị E và anh Danh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị E có làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Thị E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 chị với anh Danh T có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào ngày 13/3/2013. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẩn, do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà hành hung bạo lực với chị nên vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh T đã ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh T;

Về quan hệ con chung: Chị E xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Danh K, sinh ngày 12/11/2014 hiện cháu đang sống với chị E. Nay chị E yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

Tại bảng tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Danh T trình bày: Vào năm 2013 chị với chị Thị E có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào ngày 13/3/2013. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có cự cải nên chị E đã tự ý bỏ đi và hai vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Nay anh có ý kiến về các vấn đề chị E yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: chị E yêu cầu được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị E.

Về quan hệ con chung: Anh không đồng ý giao cháu Danh K cho chị E nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T có yêu cầu được nuôi cháu K và không yêu cầu chị E phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị E và anh Danh T.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Danh K, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Thị E nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Danh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị E còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Thị E khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Danh T và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Danh T có nơi đăng ký thường trú tại ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết.

[3] Nguyên đơn chị Thị E mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị E. Riêng bị đơn anh Danh T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Danh T.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị E và anh Danh T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 13/3/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị E và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị E xác định giữa chị và anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Chị E xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh T. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng cả chị E và anh T đều không mong muốn sống với nhau và cả hai đã thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị E và anh Danh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị E và anh T xác định giữa vợ chồng có 01 người con chung là cháu Danh K, sinh ngày 12/11/2014, hiện cháu K đang sống chung với chị E. Khi ly hôn chị E yêu cầu nuôi cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu nuôi con của chị E anh T không đồng ý, anh T cũng có yêu cầu được nuôi cháu K. Do cháu K đã gần 05 tuổi nên cả chị E và anh T đều có quyền yêu cầu nuôi con ngang nhau. Khi xem xét giao con cho ai nuôi phải căn cứ quy định của pháp luật, về điều kiện kinh tế của các bên để chăm sóc đứa bé phát triển bình thường về mọi mặt. Xét thấy kể từ thời điểm chị chị E và anh T ly thân với nhau đến nay đã 03 năm chị E là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu K, hiện tại cháu K đang học, chính quyền địa phương cho biết, chị E vẫn nuôi dạy cháu K phát triển bình thường, điều kiện nuôi con tốt, không có việc hành hạ hay có hành vi khác làm ảnh hưởng đến cháu K. Hiện chị E có công việc và thu nhập khá ổn định đủ nuôi con, hơn nữa cháu K và chị E đã có cuốc sống, chổ ăn, ở, học tập ổn định. Để không làm cuộc sống, tinh thần của cháu K bị xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cháu Danh K cho chị E trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Thị E và anh Danh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Thị E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị E và anh Danh T.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Danh K, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Thị E nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Danh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Thị E và anh Danh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị E phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ghi nhận chị E đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002696 ngày 02/8/2019 tại Chi cục T hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *Chi cục THADS huyện Hồng Dân;*
- *UBND thị trấn N;*
- *Đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi